TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2022.
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Quang.

2. Ông Phạm Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1997.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1993.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D có mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà D và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, đã được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/11/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không còn tôn trọng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Nay tình cảm yêu

thương dành cho nhau không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và tạm thời bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà D.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà D và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/9/2015. Giao cháu P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà D khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà D phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/11/2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà D xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến cãi vã xung đột không hòa giải được. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Quá trình giải quyết vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông D không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà D được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, cháu P có nguyện vọng được sống chung với bà D. Bà D cũng đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh được thu nhập và điều kiện nuôi con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án làm việc tuy nhiên ông D đều vắng mặt và ông có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Hoàng P cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, ông D cũng không có ý kiến trình bày nên tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà D khai không có, ông D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà D khai không có, ông D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0000662 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH ngày 26/11/2016);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm